

AIBC User Manual

Hướng dẫn sử dụng AIBC

Vietnamese - English / Tiếng Việt - Tiếng Anh

Based on e-learning AIBC flow.pptx

Giới thiệu / Introduction

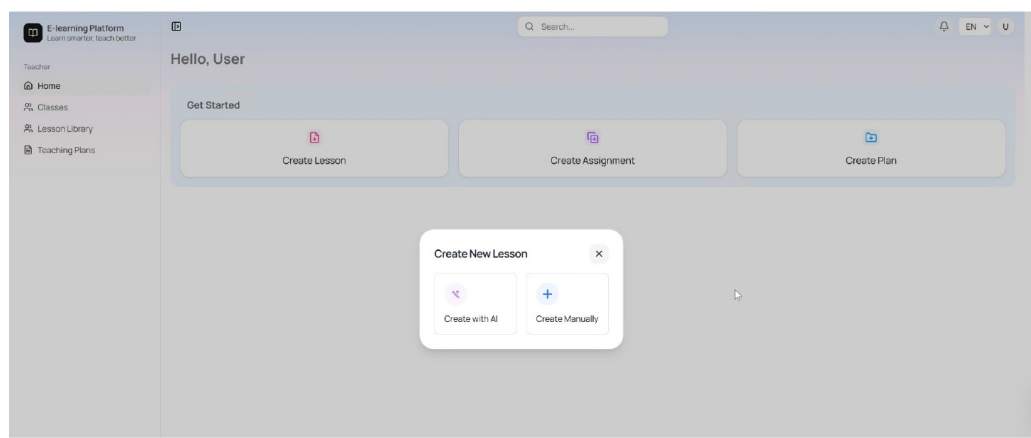
Tài liệu này hướng dẫn người dùng thực hiện các quy trình chính trong hệ thống e-learning AIBC.
This manual guides users through the main workflows in the AIBC e-learning system.

Tổng quan hệ thống / System Overview

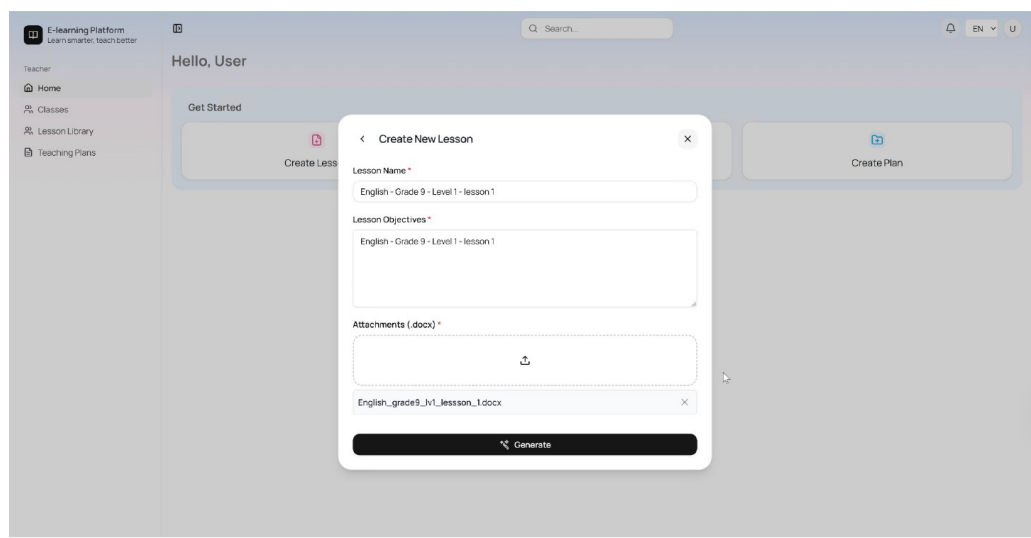
Role	Vietnamese	English
Teacher	Tạo bài học, assignment, plan và class.	Create lessons, assignments, plans, and classes.
Student	Tham gia class, xem assignment và nộp bài.	Join classes, view assignments, and submit work.
Parent	Duyệt yêu cầu và xem thông tin học viên.	Approve requests and view child information.
AIBC	Tóm tắt luồng kết nối và bối cảnh hệ thống.	Summarize the connection flow and system context.

Hướng dẫn cho Teacher / Teacher Guide

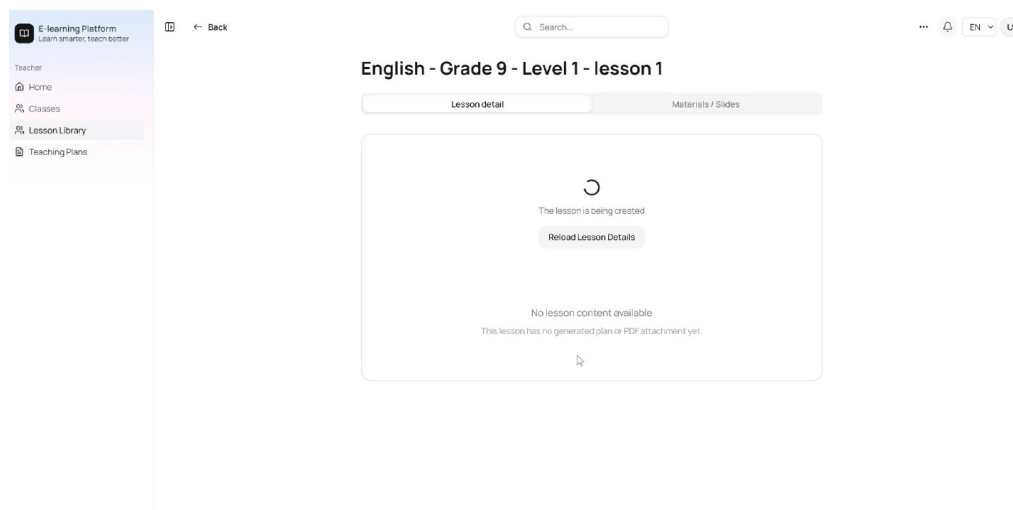
Tạo bài học bằng AI / Create Lesson Using AI



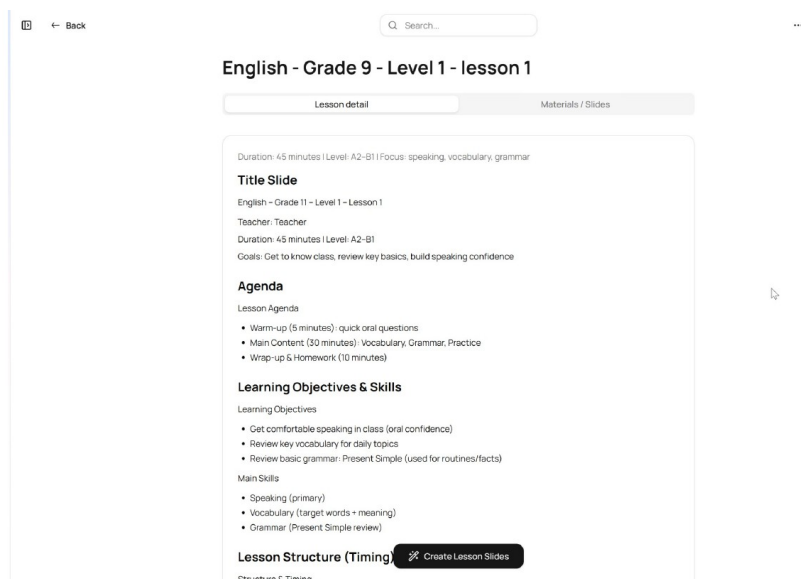
Hình minh họa / Illustration: slide 15



Hình minh họa / Illustration: slide 16



Hình minh họa / Illustration: slide 17



Hình minh họa / Illustration: slide 18

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên tạo nhanh nội dung bài học bằng AI dựa trên thông tin đầu vào.

Help teachers quickly create lesson content with AI based on provided input.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Giáo viên đã đăng nhập và có quyền truy cập khu vực tạo bài học.

The teacher is signed in and can access the lesson creation area.

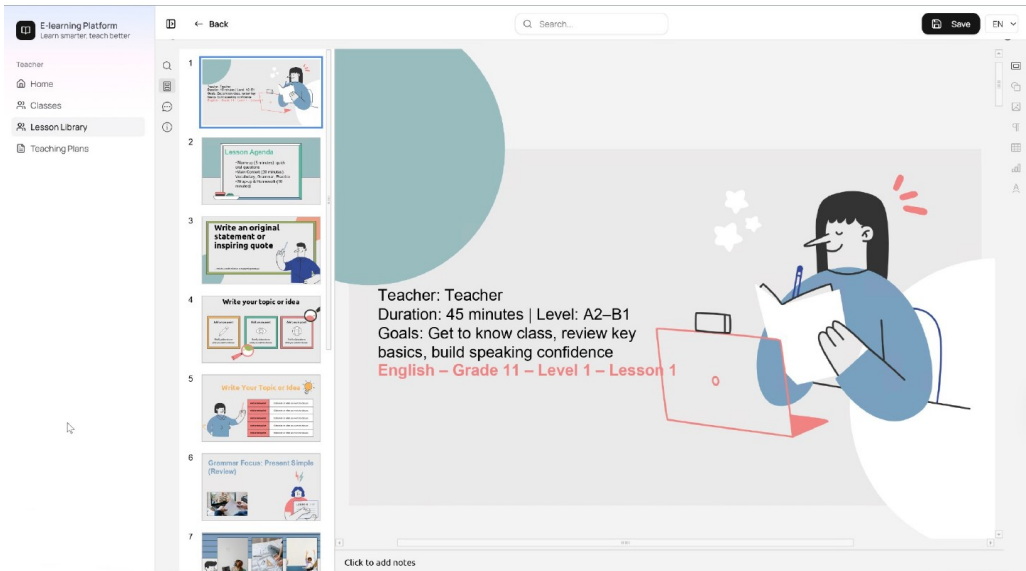
Các bước thực hiện / Steps

1. Mở chức năng tạo bài học. / Open the lesson creation function.
2. Chọn phương thức tạo bài học bằng AI. / Choose the AI lesson creation option.
3. Nhập chủ đề hoặc thông tin yêu cầu cho bài học. / Enter the topic or required lesson information.
4. Xem lại nội dung AI tạo ra và chỉnh sửa nếu cần. / Review the AI-generated content and edit it if needed.

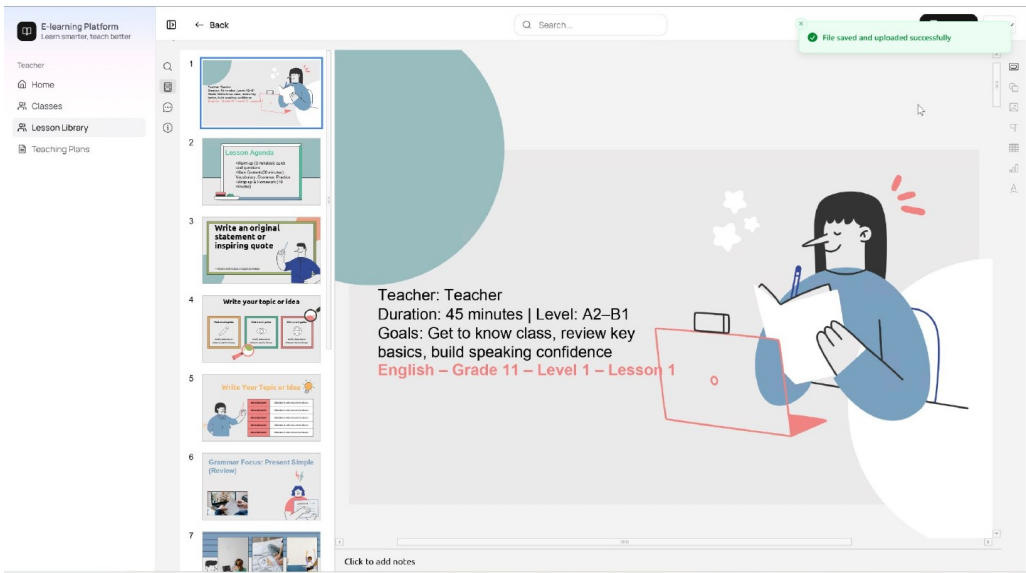
Kết quả mong đợi / Expected result

Một bản nháp bài học được tạo và sẵn sàng để chỉnh sửa hoặc sử dụng tiếp.
A lesson draft is created and ready for editing or further use.

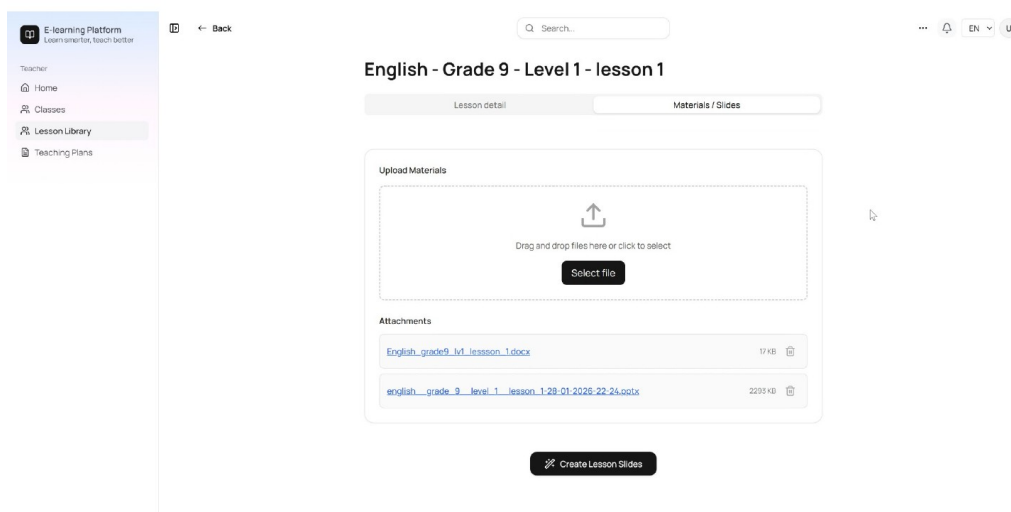
Tạo slide bài học / Create Lesson Slide



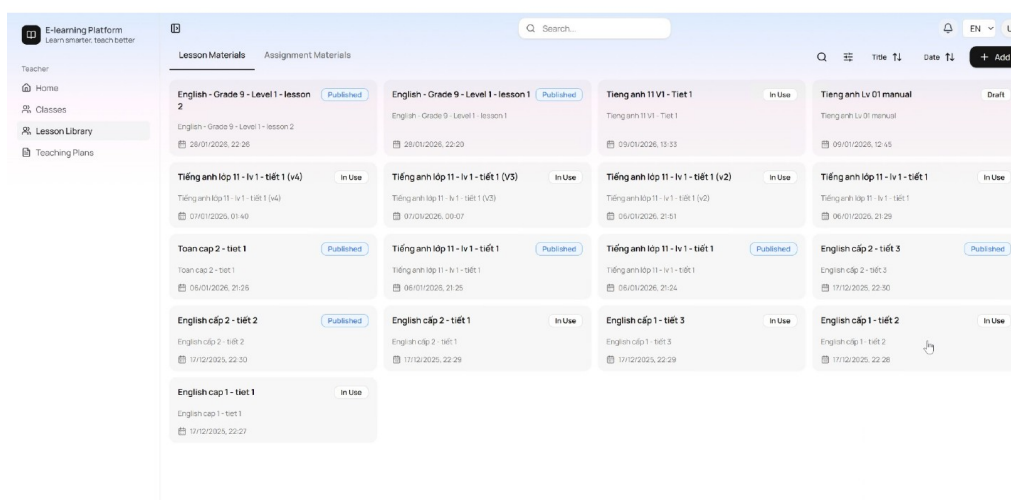
Hình minh họa / Illustration: slide 20



Hình minh họa / Illustration: slide 21



Hình minh họa / Illustration: slide 22



Hình minh họa / Illustration: slide 23

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên xây dựng nội dung slide cho bài học.

Help teachers build slide content for a lesson.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Đã có hoặc đang tạo một bài học.

A lesson exists or is being created.

Các bước thực hiện / Steps

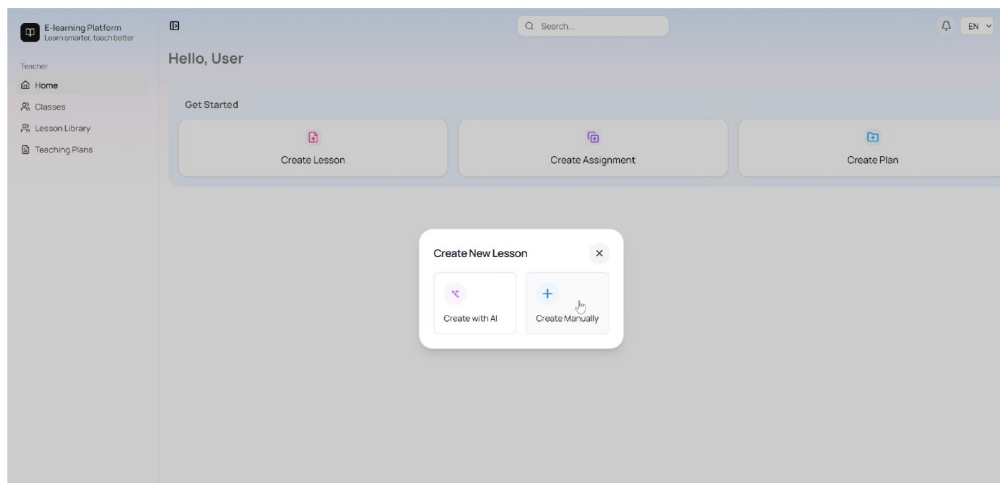
1. Mở bài học cần thêm slide. / Open the lesson that needs slides.
2. Thêm hoặc chỉnh sửa slide theo nội dung giảng dạy. / Add or edit slides based on the teaching content.
3. Kiểm tra thứ tự và nội dung slide. / Review the slide order and content.

Kết quả mong đợi / Expected result

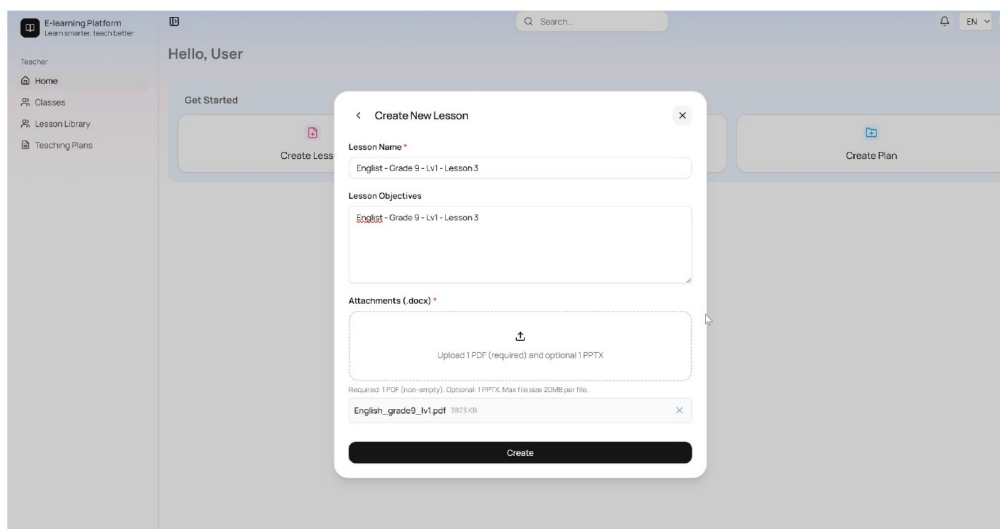
Slide bài học được lưu trong bài học tương ứng.

The lesson slides are saved in the corresponding lesson.

Tạo bài học thủ công / Create Lesson Manually



Hình minh họa / Illustration: slide 25



Hình minh họa / Illustration: slide 26

Mục đích / Purpose

Cho phép giáo viên tự nhập nội dung bài học thay vì dùng AI.

Allow teachers to enter lesson content manually instead of using AI.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Giáo viên đã đăng nhập và có thông tin bài học cần tạo.

The teacher is signed in and has the lesson information to create.

Các bước thực hiện / Steps

1. Mở chức năng tạo bài học. / Open the lesson creation function.
2. Chọn tạo bài học thủ công. / Choose manual lesson creation.
3. Nhập thông tin bài học và nội dung cần thiết. / Enter the lesson information and required content.

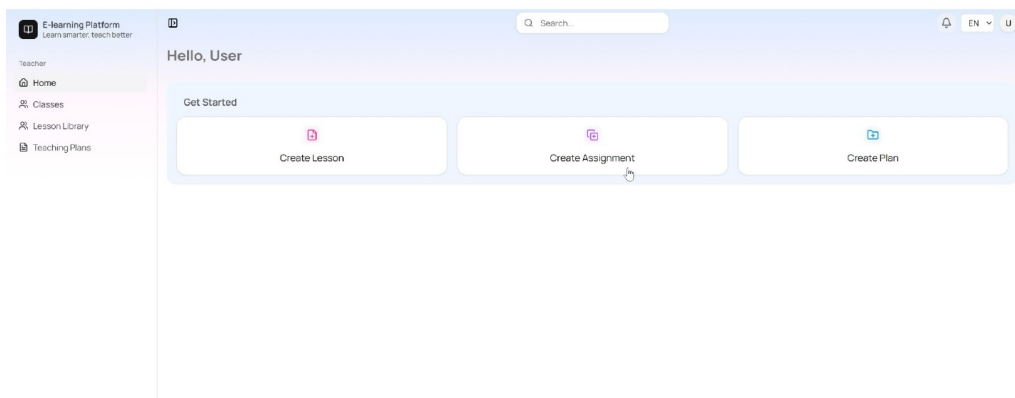
4. Lưu bài học. / Save the lesson.

Kết quả mong đợi / Expected result

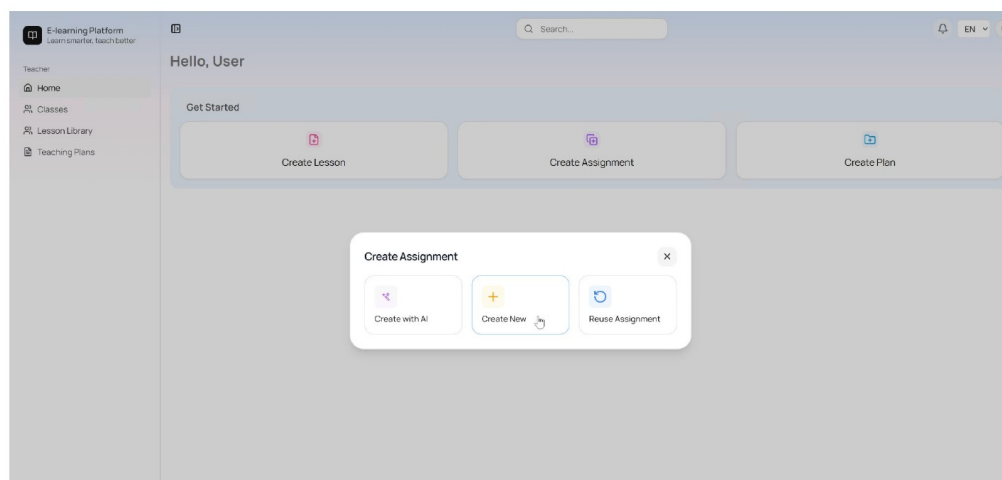
Bài học thủ công được tạo thành công.

The manual lesson is created successfully.

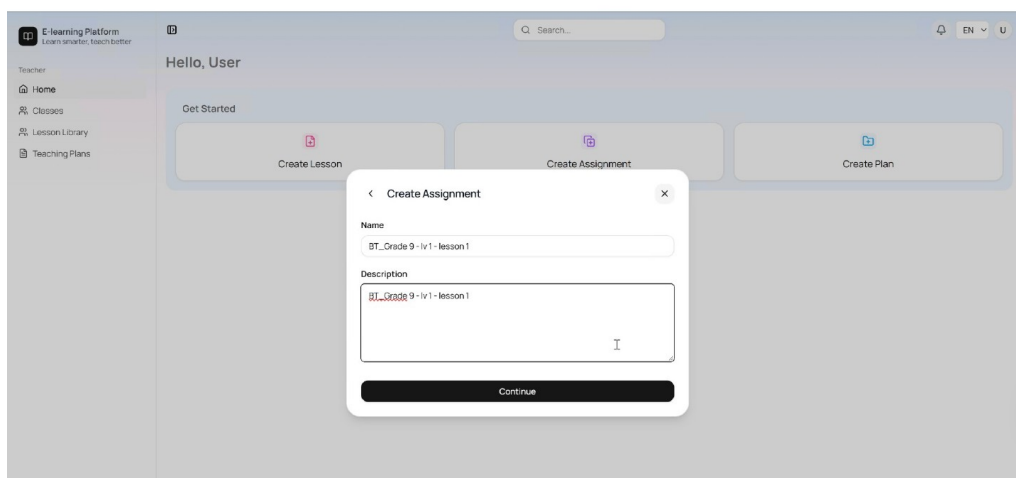
Tạo assignment thủ công / Create Assignment Manually



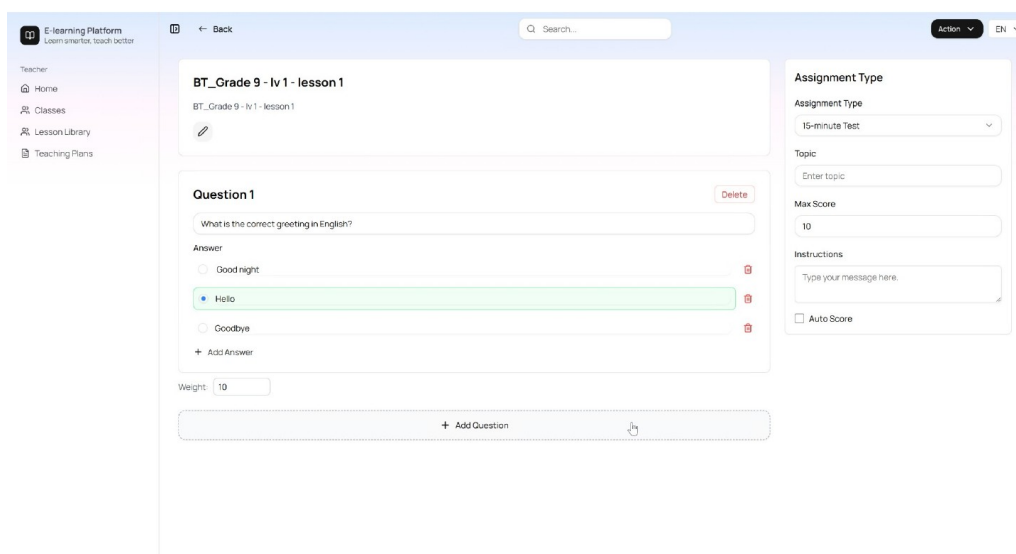
Hình minh họa / Illustration: slide 28



Hình minh họa / Illustration: slide 29



Hình minh họa / Illustration: slide 30



Hình minh họa / Illustration: slide 31

Hình minh họa / Illustration: slide 32

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên tạo assignment mới bằng cách nhập nội dung thủ công.

Help teachers create a new assignment by manually entering content.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Giáo viên có quyền tạo assignment.

The teacher has permission to create assignments.

Các bước thực hiện / Steps

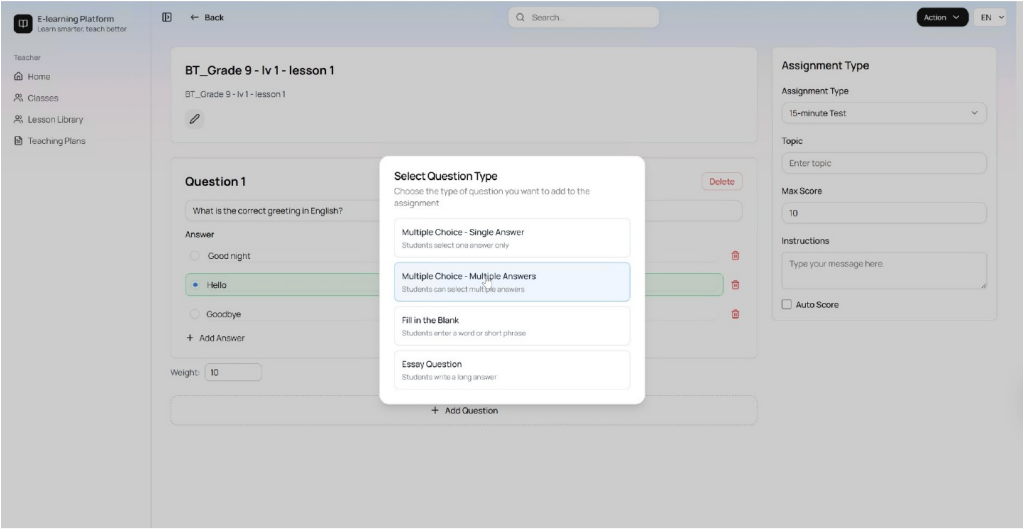
1. Mở khu vực assignment. / Open the assignment area.
2. Chọn tạo assignment mới. / Select create new assignment.
3. Nhập thông tin assignment. / Enter assignment information.
4. Lưu assignment để tiếp tục thêm câu hỏi hoặc cấu hình. / Save the assignment to continue adding questions or settings.

Kết quả mong đợi / Expected result

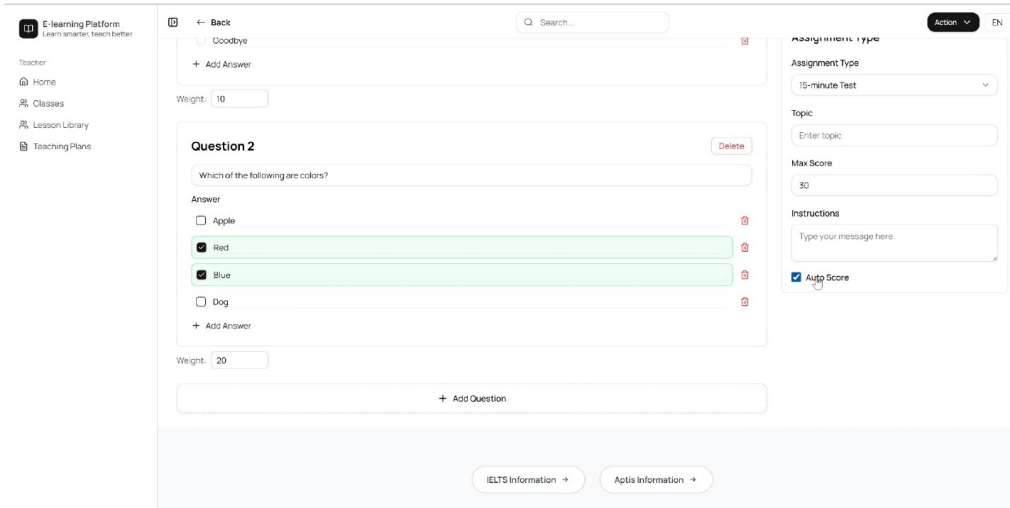
Assignment mới được tạo và có thể tiếp tục cấu hình.

A new assignment is created and can be configured further.

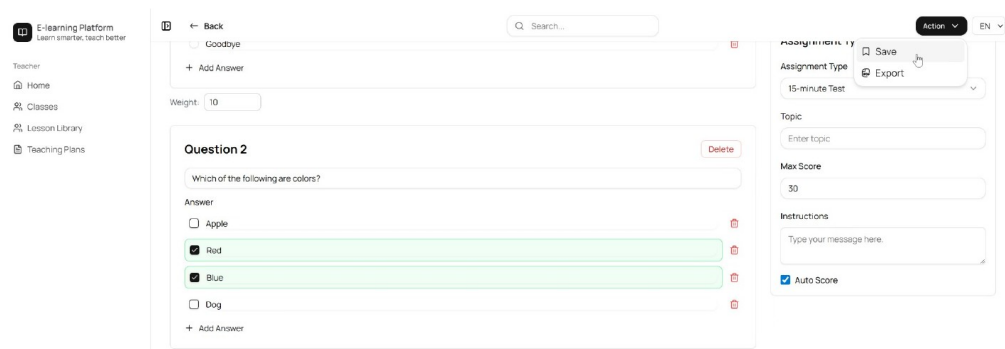
Thêm câu hỏi và thiết lập auto score / Add New Question and Set Auto Score



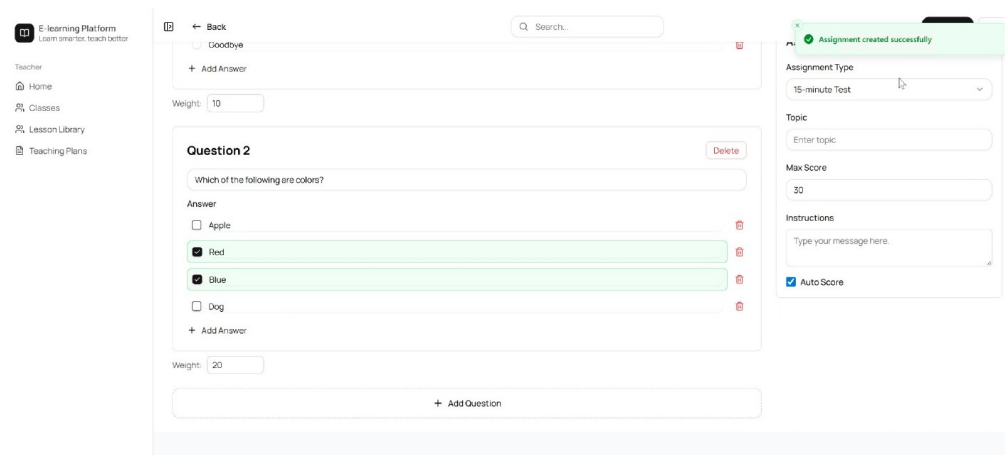
Hình minh họa / Illustration: slide 34



Hình minh họa / Illustration: slide 35



Hình minh họa / Illustration: slide 36



Hình minh họa / Illustration: slide 37

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên thêm câu hỏi vào assignment và cấu hình chấm điểm tự động.

Help teachers add questions to an assignment and configure automatic scoring.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Đã có assignment cần thêm câu hỏi.

An assignment exists and needs questions.

Các bước thực hiện / Steps

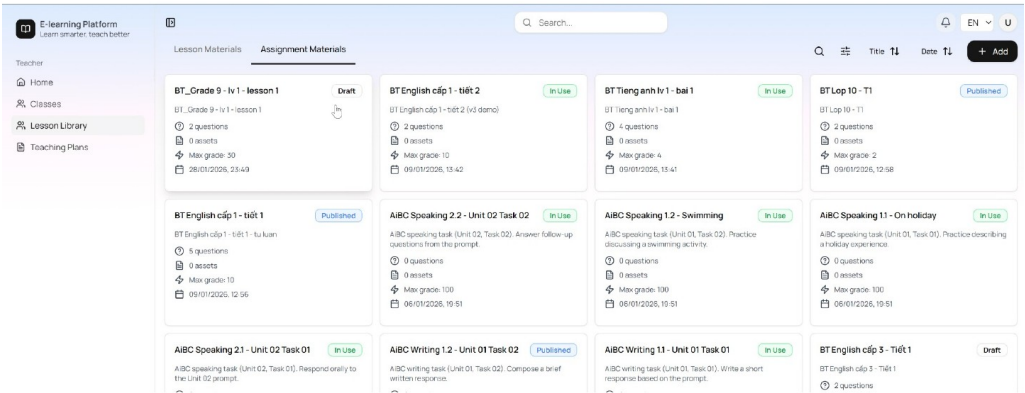
1. Mở assignment cần chỉnh sửa. / Open the assignment to edit.
2. Chọn thêm câu hỏi mới. / Choose to add a new question.
3. Nhập nội dung câu hỏi và câu trả lời cần thiết. / Enter the question content and required answers.
4. Thiết lập điểm hoặc quy tắc chấm tự động. / Set the score or auto-scoring rules.
5. Lưu câu hỏi. / Save the question.

Kết quả mong đợi / Expected result

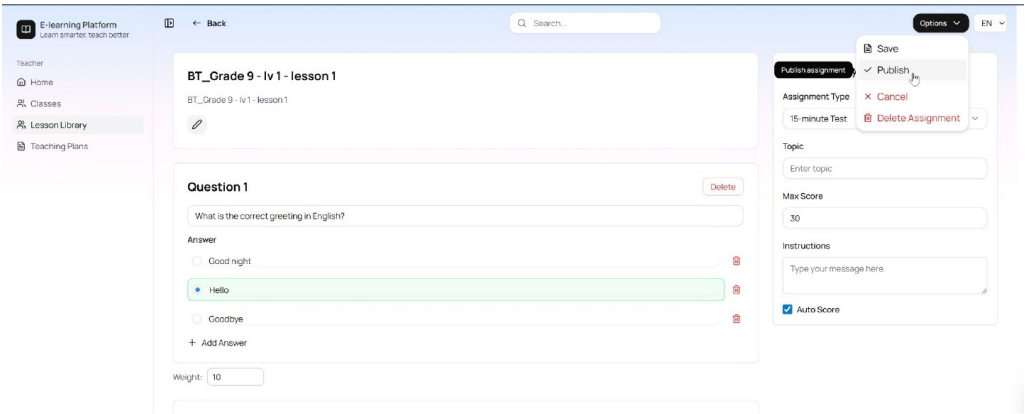
Câu hỏi được thêm vào assignment và có cấu hình chấm điểm tự động.

The question is added to the assignment with automatic scoring configured.

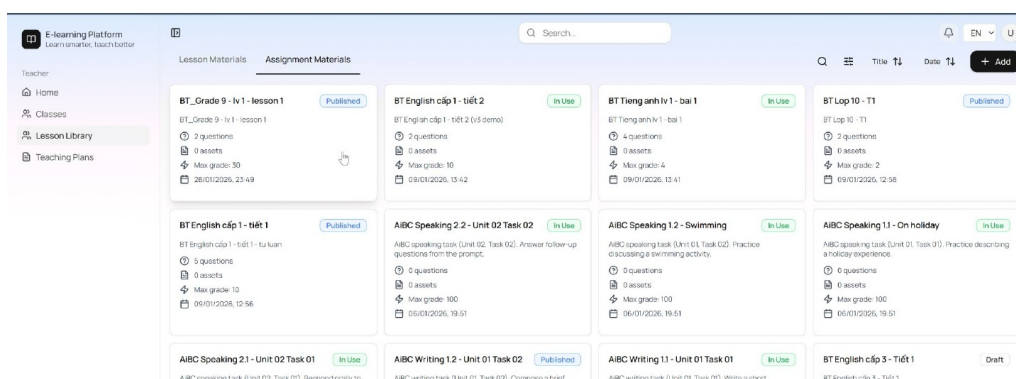
Xuất bản assignment / Publish an Assignment



Hình minh họa / Illustration: slide 39



Hình minh họa / Illustration: slide 40



Hình minh họa / Illustration: slide 41

Mục đích / Purpose

Đưa assignment sang trạng thái sẵn sàng để giao hoặc cho học viên truy cập.

Move the assignment to a state where it is ready to assign or access.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Assignment đã được tạo và kiểm tra nội dung.

The assignment has been created and reviewed.

Các bước thực hiện / Steps

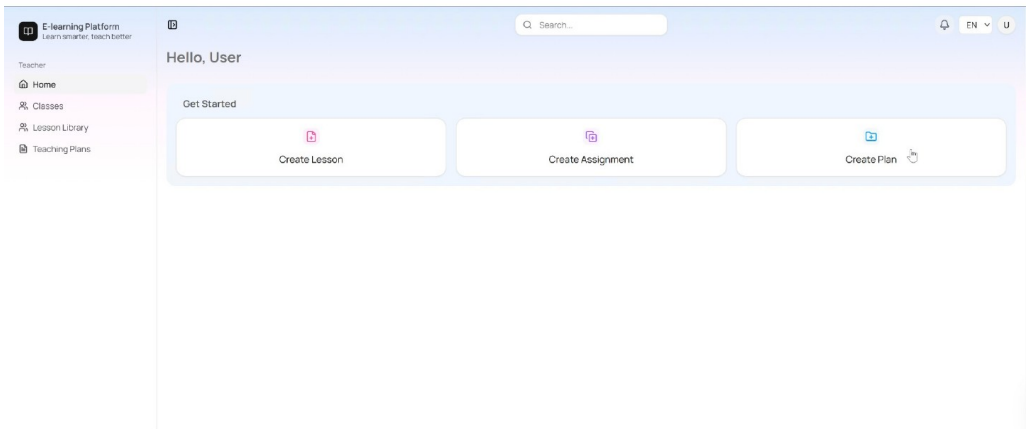
1. Mở assignment cần xuất bản. / Open the assignment to publish.
2. Kiểm tra nội dung và cấu hình. / Review the content and settings.
3. Chọn thao tác xuất bản. / Choose the publish action.
4. Xác nhận nếu hệ thống yêu cầu. / Confirm if the system asks for confirmation.

Kết quả mong đợi / Expected result

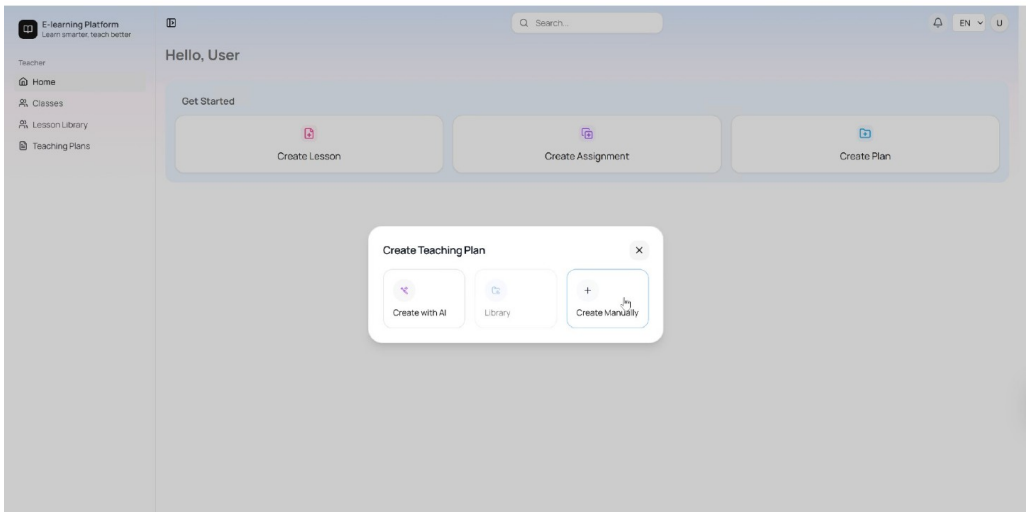
Assignment được xuất bản thành công.

The assignment is published successfully.

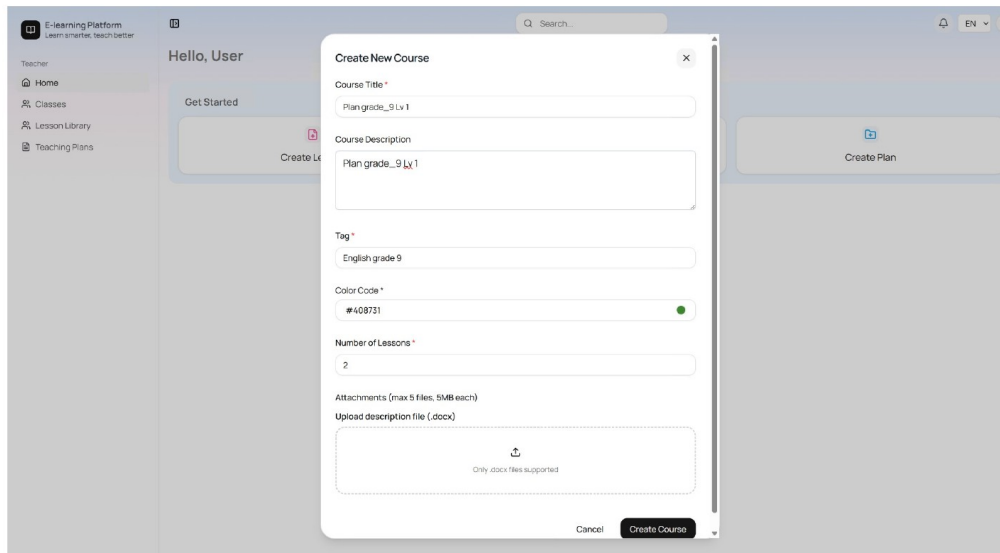
Tạo plan thủ công / Create a Plan Manually



Hình minh họa / Illustration: slide 43



Hình minh họa / Illustration: slide 44



Hình minh họa / Illustration: slide 45

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên tạo plan học tập theo cách thủ công.

Help teachers manually create a learning plan.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Giáo viên đã có nội dung hoặc mục tiêu cần đưa vào plan.

The teacher has content or learning goals to include in the plan.

Các bước thực hiện / Steps

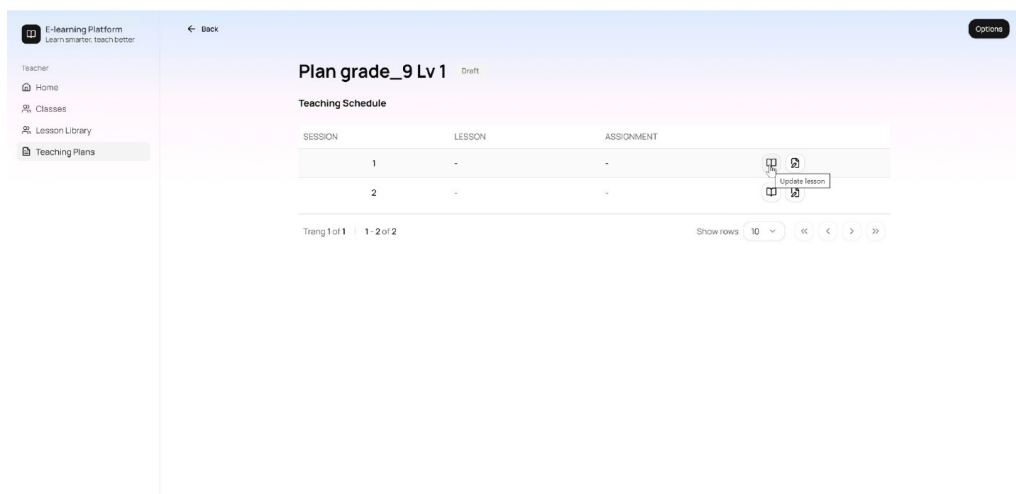
1. Mở khu vực plan. / Open the plan area.
2. Chọn tạo plan mới. / Select create new plan.
3. Nhập thông tin plan. / Enter plan information.
4. Lưu plan để tiếp tục gán lesson hoặc assignment. / Save the plan to continue assigning lessons or assignments.

Kết quả mong đợi / Expected result

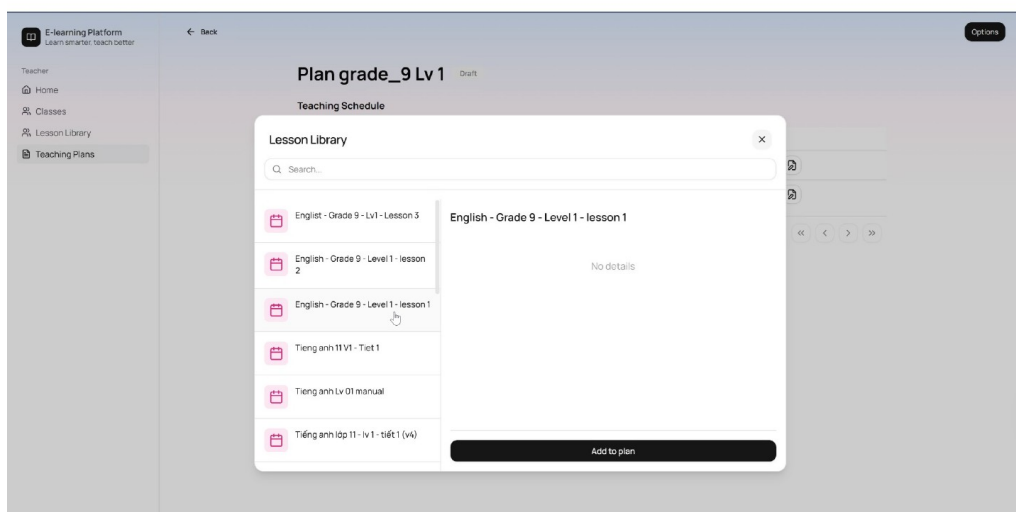
Plan mới được tạo và sẵn sàng cấu hình nội dung.

A new plan is created and ready for content configuration.

Gán lesson vào plan / Assign Lessons



Hình minh họa / Illustration: slide 47



Hình minh họa / Illustration: slide 48

Mục đích / Purpose

Liên kết lesson vào plan học tập.

Link lessons to a learning plan.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Đã có plan và lesson phù hợp.

A suitable plan and lessons are available.

Các bước thực hiện / Steps

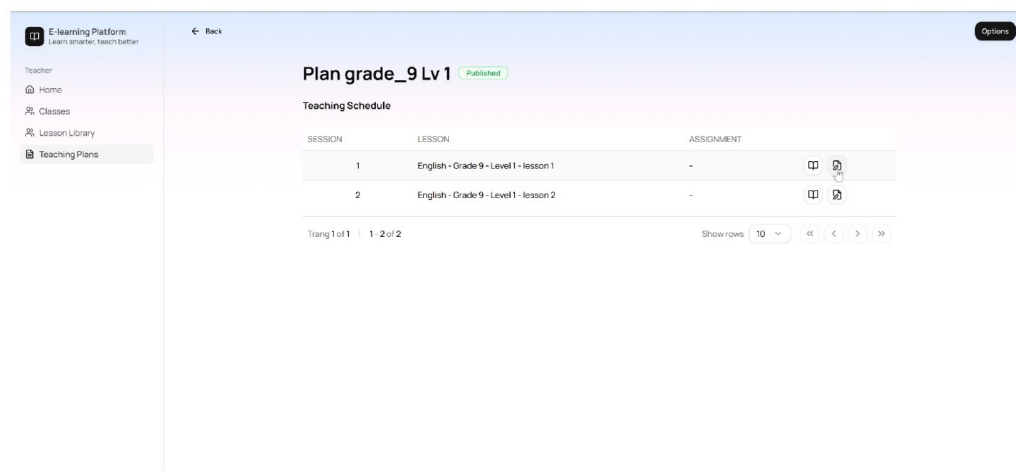
1. Mở plan cần cấu hình. / Open the plan to configure.
2. Chọn khu vực gán lesson. / Open the lesson assignment area.
3. Chọn các lesson cần gán. / Select the lessons to assign.
4. Lưu thay đổi. / Save the changes.

Kết quả mong đợi / Expected result

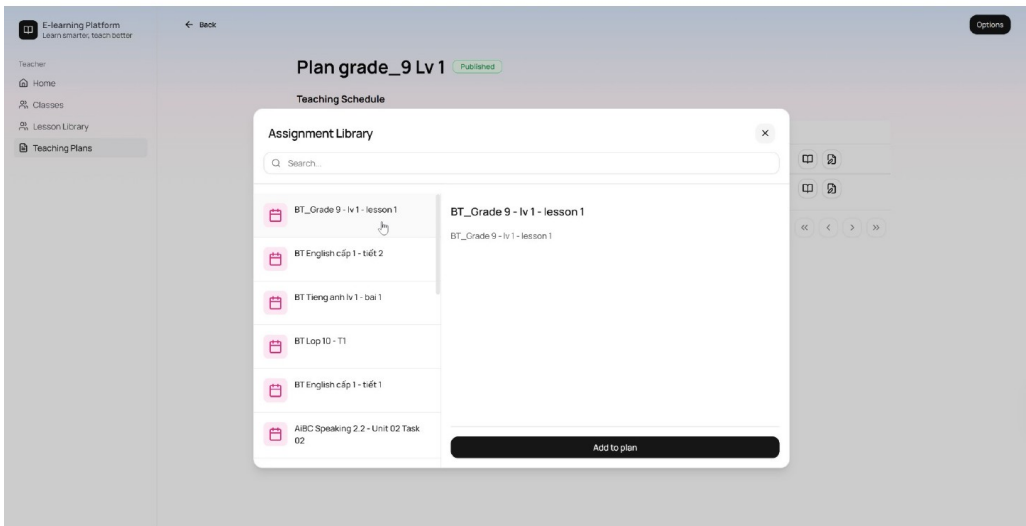
Các lesson đã chọn được gán vào plan.

The selected lessons are assigned to the plan.

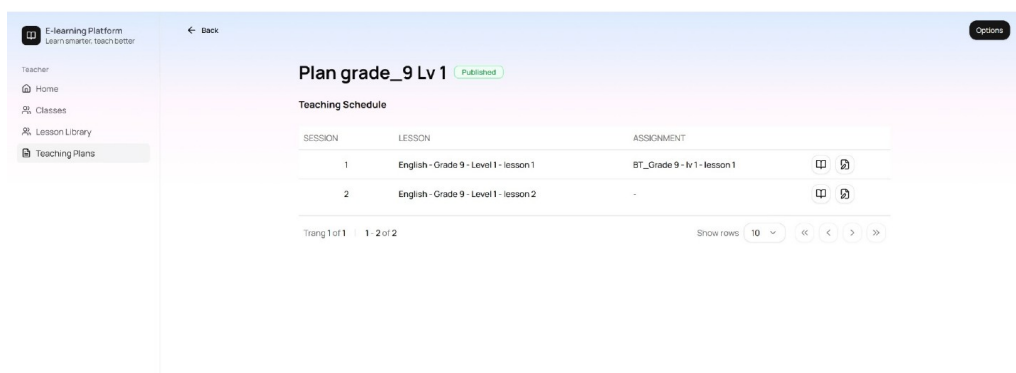
Gán assignment vào plan / Assign Assignments



Hình minh họa / Illustration: slide 50



Hình minh họa / Illustration: slide 51



Hình minh họa / Illustration: slide 52

Mục đích / Purpose

Liên kết assignment vào plan học tập.

Link assignments to a learning plan.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Đã có plan và assignment phù hợp.

A suitable plan and assignments are available.

Các bước thực hiện / Steps

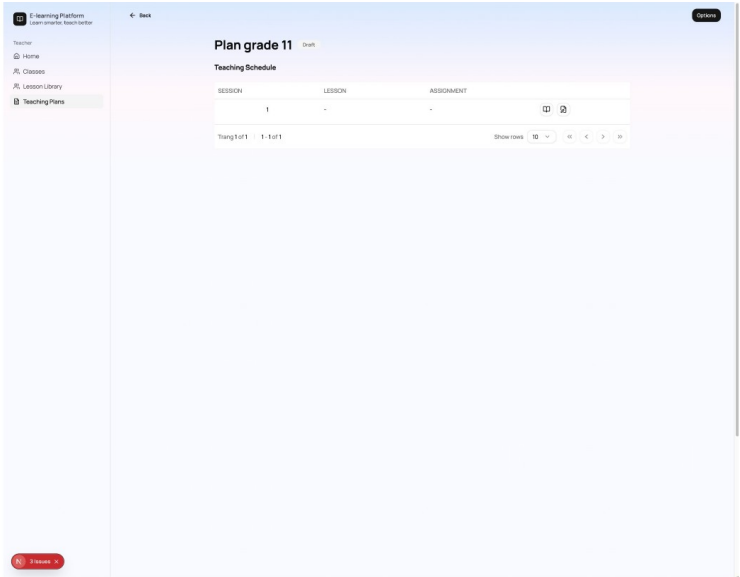
1. Mở plan cần cấu hình. / Open the plan to configure.
2. Chọn khu vực gán assignment. / Open the assignment selection area.
3. Chọn các assignment cần gán. / Select the assignments to assign.
4. Lưu thay đổi. / Save the changes.

Kết quả mong đợi / Expected result

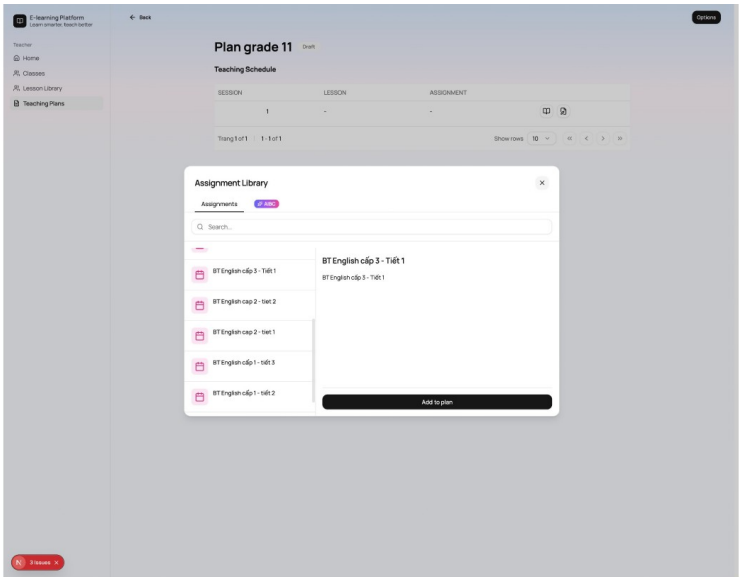
Các assignment đã chọn được gán vào plan.

The selected assignments are assigned to the plan.

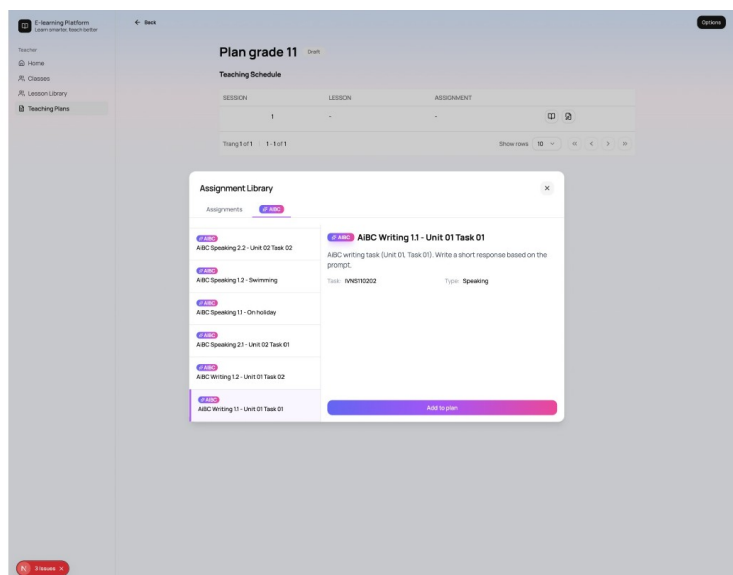
Tạo plan với AIBC / Create a Plan with AIBC



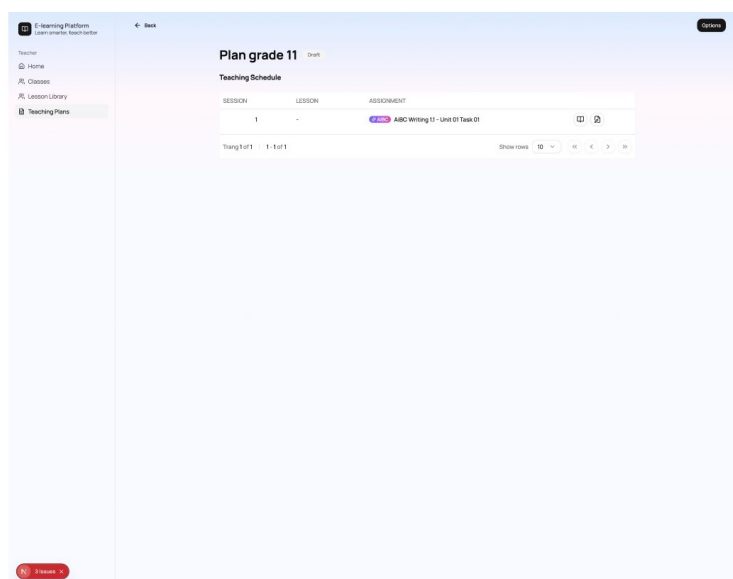
Hình minh họa / Illustration: slide 54



Hình minh họa / Illustration: slide 55



Hình minh họa / Illustration: slide 56



Hình minh họa / Illustration: slide 57

Mục đích / Purpose

Hỗ trợ giáo viên tạo hoặc cấu hình plan với sự hỗ trợ của AIBC.

Support teachers in creating or configuring a plan with AIBC assistance.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Giáo viên đã có mục tiêu hoặc nội dung cần đưa vào plan.

The teacher has goals or content to include in the plan.

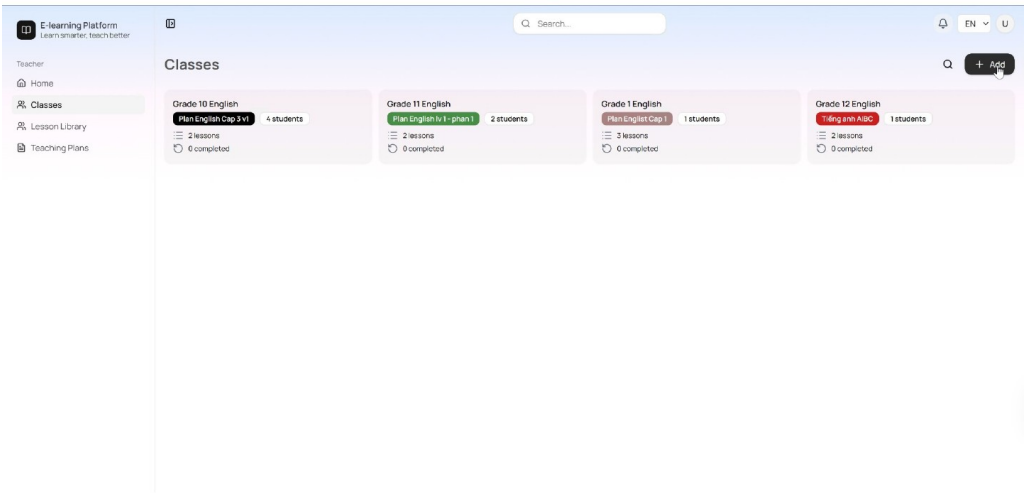
Các bước thực hiện / Steps

1. Mở chức năng tạo plan với AIBC. / Open the create plan with AIBC function.
2. Nhập hoặc chọn thông tin liên quan đến plan. / Enter or select plan-related information.
3. Xem lại đề xuất hoặc cấu hình được tạo. / Review the generated suggestion or configuration.
4. Lưu plan sau khi kiểm tra. / Save the plan after review.

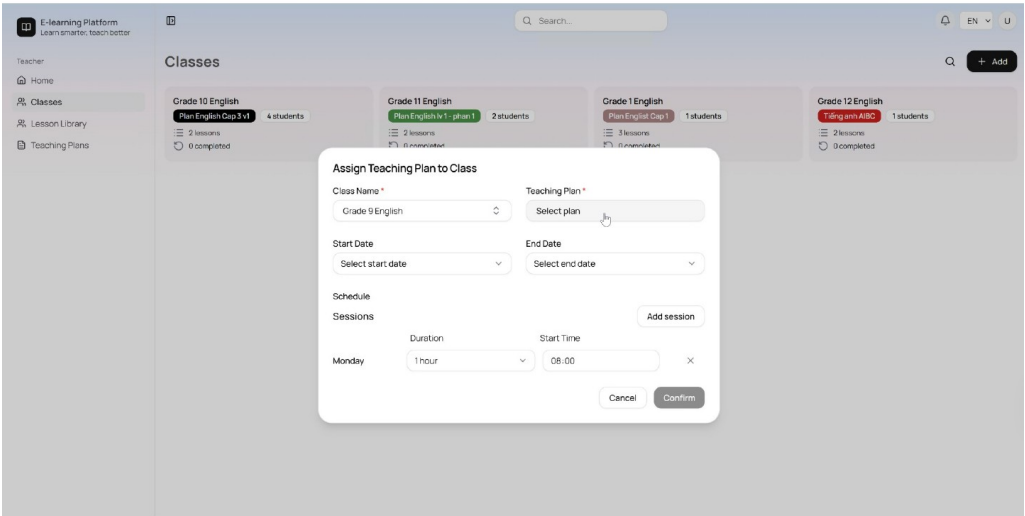
Kết quả mong đợi / Expected result

Plan được tạo hoặc cấu hình với sự hỗ trợ của AIBC.
The plan is created or configured with AIBC assistance.

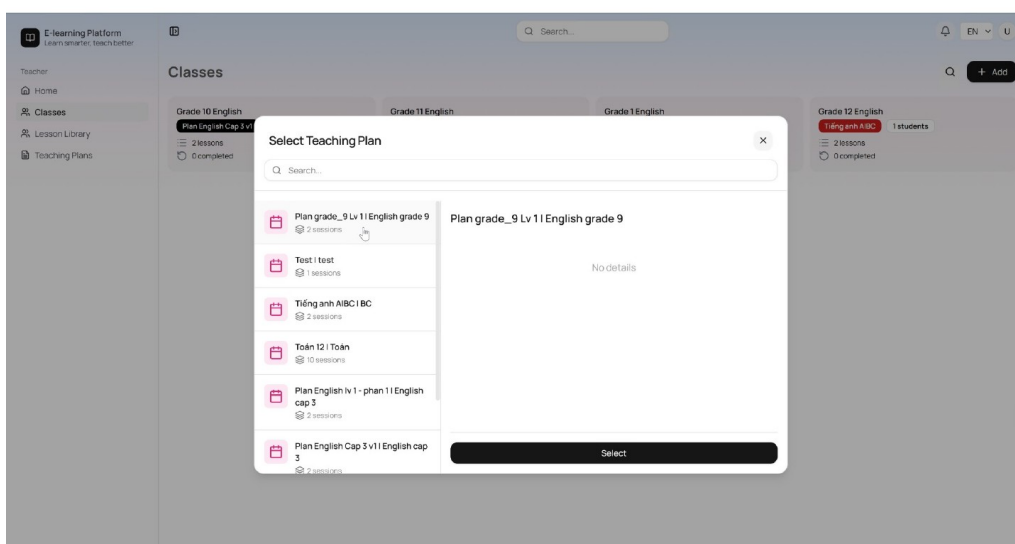
Tạo lớp học / Create a Class



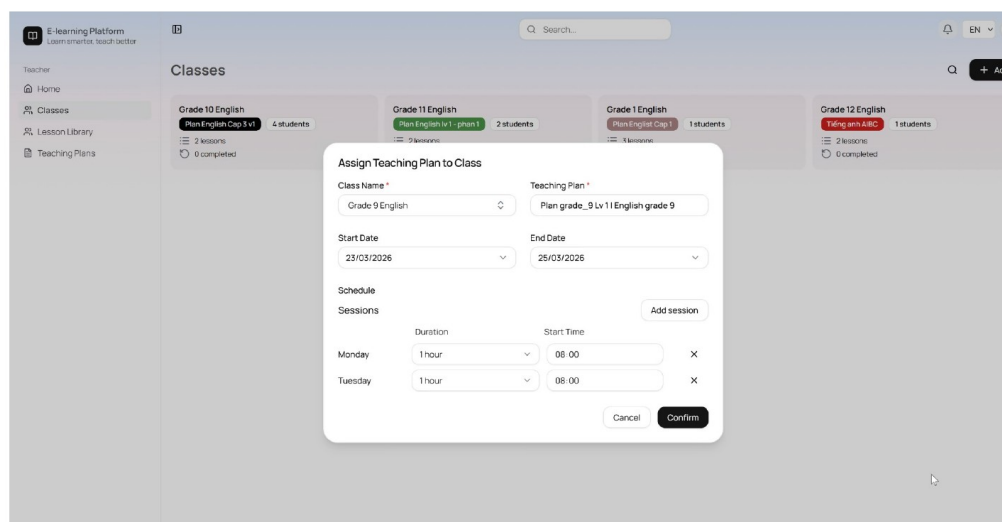
Hình minh họa / Illustration: slide 59



Hình minh họa / Illustration: slide 60



Hình minh họa / Illustration: slide 61



Hình minh họa / Illustration: slide 62

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên tạo lớp học để quản lý học viên và nội dung học tập.

Help teachers create a class to manage students and learning content.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Giáo viên có quyền tạo lớp học.

The teacher has permission to create classes.

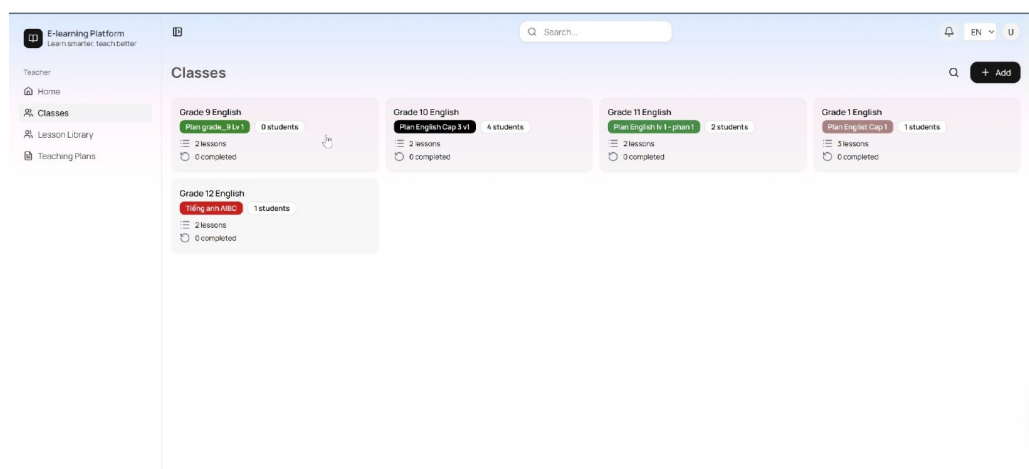
Các bước thực hiện / Steps

1. Mở khu vực class. / Open the class area.
2. Chọn tạo class mới. / Select create new class.
3. Nhập thông tin lớp học. / Enter class information.
4. Lưu class. / Save the class.

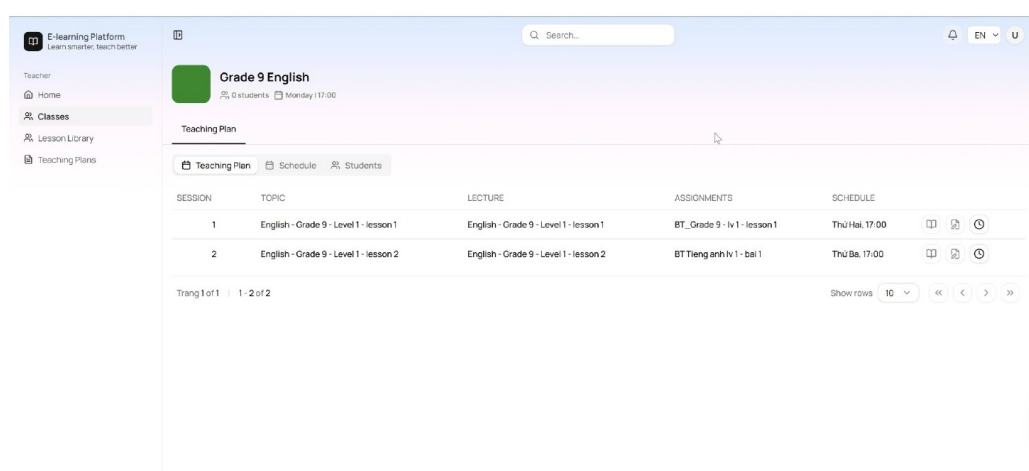
Kết quả mong đợi / Expected result

Class mới được tạo thành công.
The new class is created successfully.

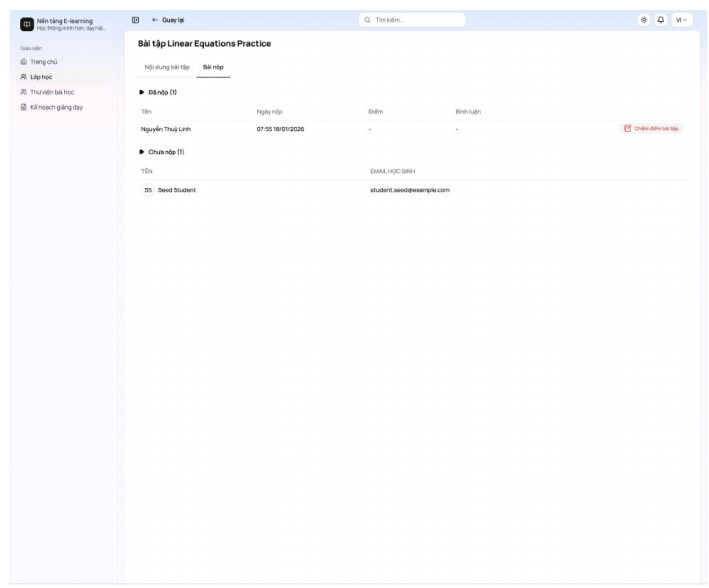
Xem thông tin lớp học / View Class Info



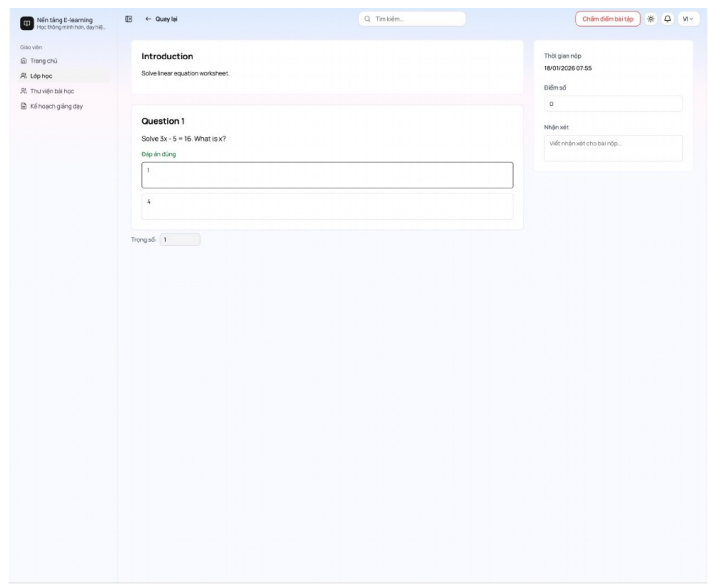
Hình minh họa / Illustration: slide 64



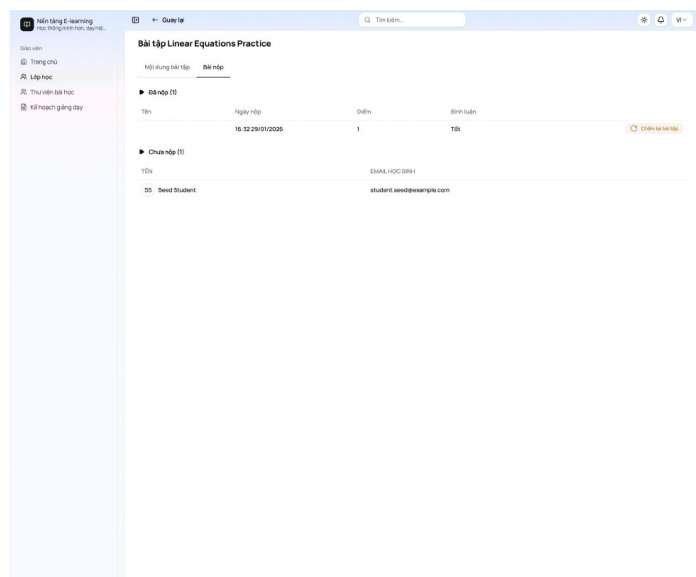
Hình minh họa / Illustration: slide 65



Hình minh họa / Illustration: slide 66



Hình minh họa / Illustration: slide 67



Hình minh họa / Illustration: slide 68

Mục đích / Purpose

Giúp giáo viên xem thông tin chi tiết của class.

Help teachers view detailed class information.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Đã có class trong hệ thống.

A class exists in the system.

Các bước thực hiện / Steps

1. Mở danh sách class. / Open the class list.
2. Chọn class cần xem. / Select the class to view.
3. Xem thông tin lớp học, học viên hoặc nội dung liên quan. / View class, student, or related content information.

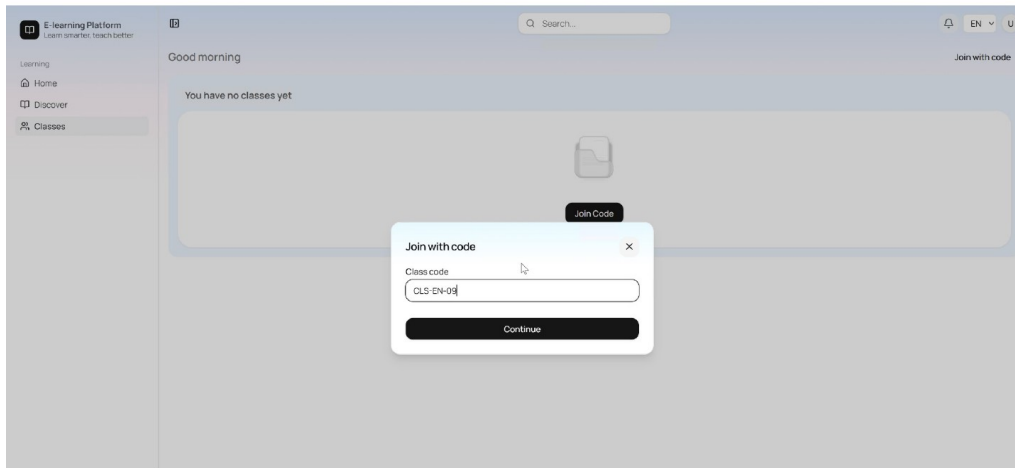
Kết quả mong đợi / Expected result

Thông tin class được hiển thị để giáo viên theo dõi.

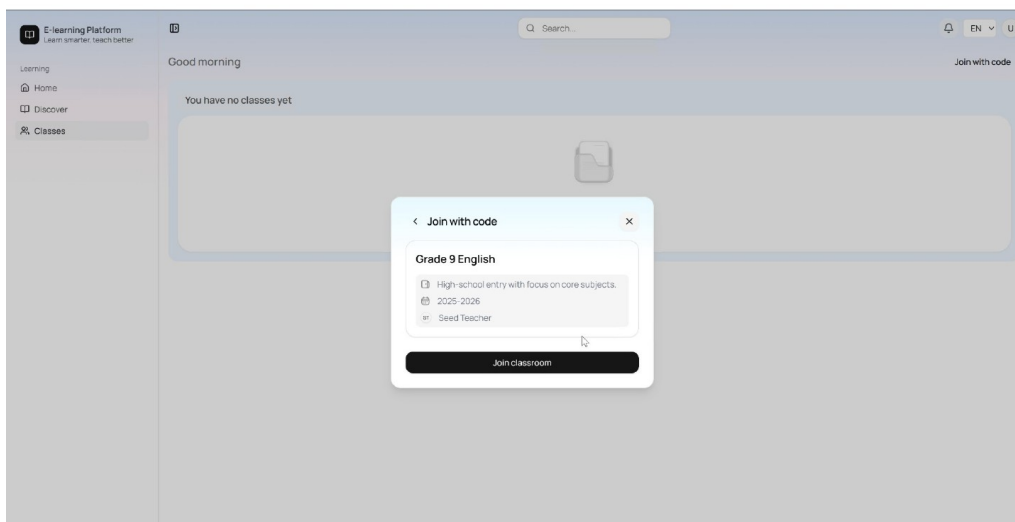
Class information is displayed for the teacher to review.

Hướng dẫn cho Student / Student Guide

Tham gia lớp học / Join a Class



Hình minh họa / Illustration: slide 70



Hình minh họa / Illustration: slide 71

Mục đích / Purpose

Giúp học viên tham gia class được giáo viên tạo.

Help students join a class created by a teacher.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Học viên có thông tin hoặc lời mời tham gia class.

The student has class information or an invitation.

Các bước thực hiện / Steps

1. Mở chức năng tham gia class. / Open the join class function.
2. Nhập hoặc chọn thông tin class. / Enter or select the class information.

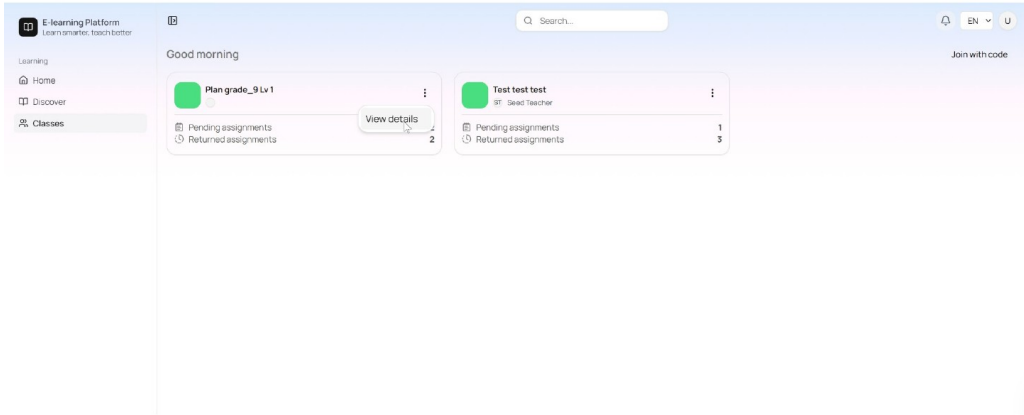
3. Xác nhận tham gia. / Confirm joining the class.

Kết quả mong đợi / Expected result

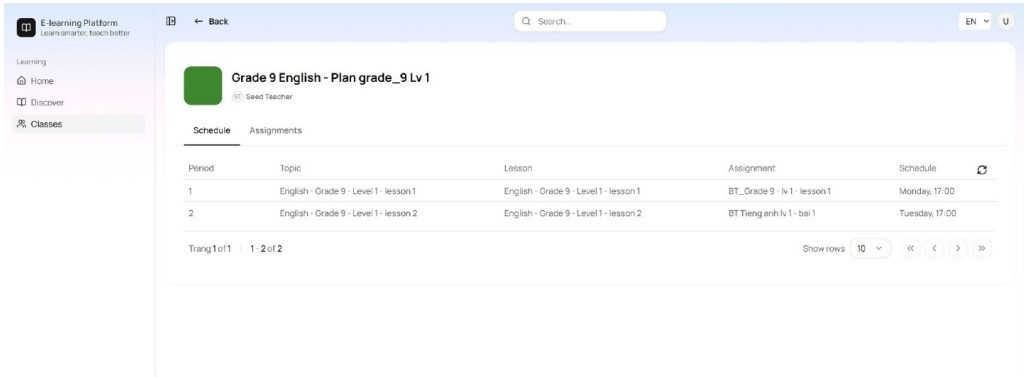
Học viên tham gia class thành công.

The student joins the class successfully.

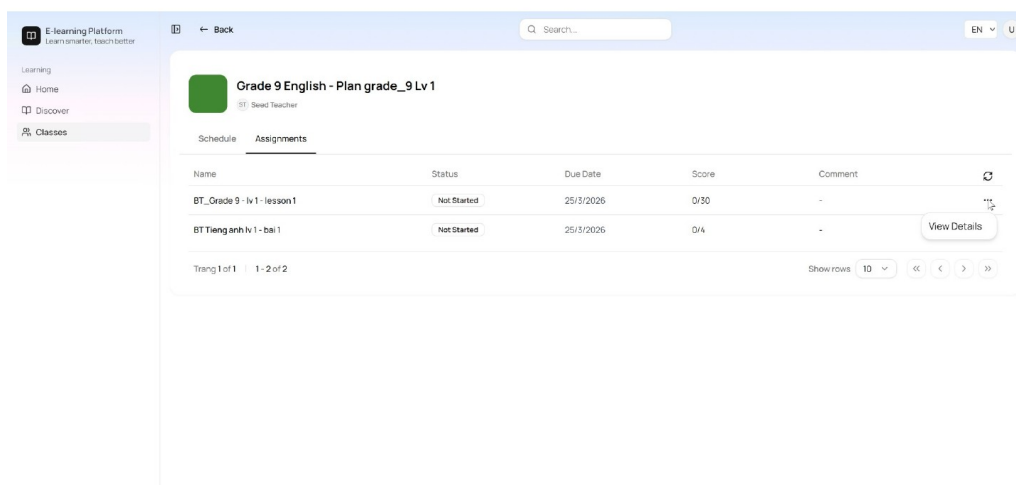
Xem assignment / View Assignment



Hình minh họa / Illustration: slide 73



Hình minh họa / Illustration: slide 74



Hình minh họa / Illustration: slide 75

Mục đích / Purpose

Giúp học viên xem assignment được giao.

Help students view assigned work.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Học viên đã tham gia class hoặc được giao assignment.

The student has joined a class or received an assignment.

Các bước thực hiện / Steps

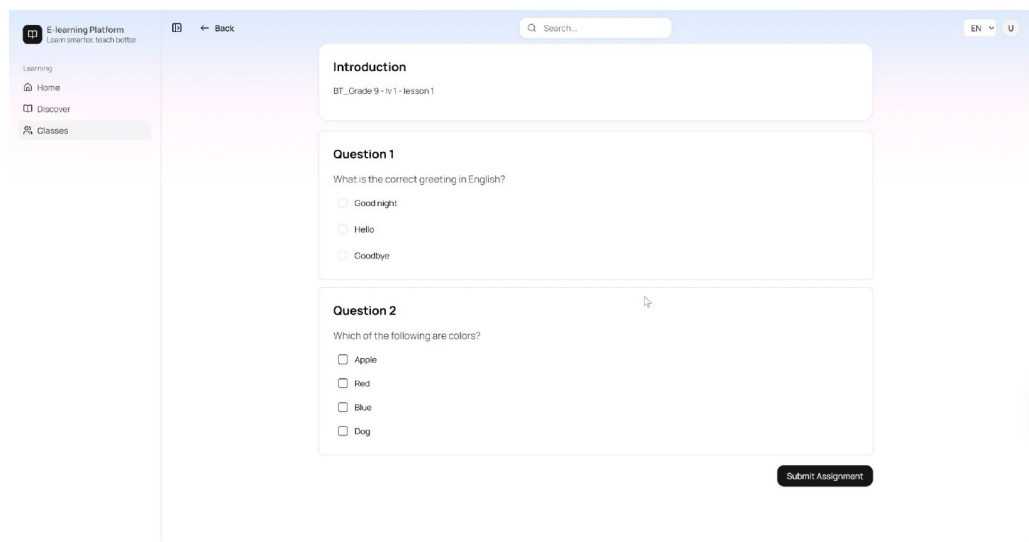
1. Mở khu vực assignment. / Open the assignment area.
2. Chọn assignment cần xem. / Select the assignment to view.
3. Xem nội dung và yêu cầu của assignment. / Review the assignment content and requirements.

Kết quả mong đợi / Expected result

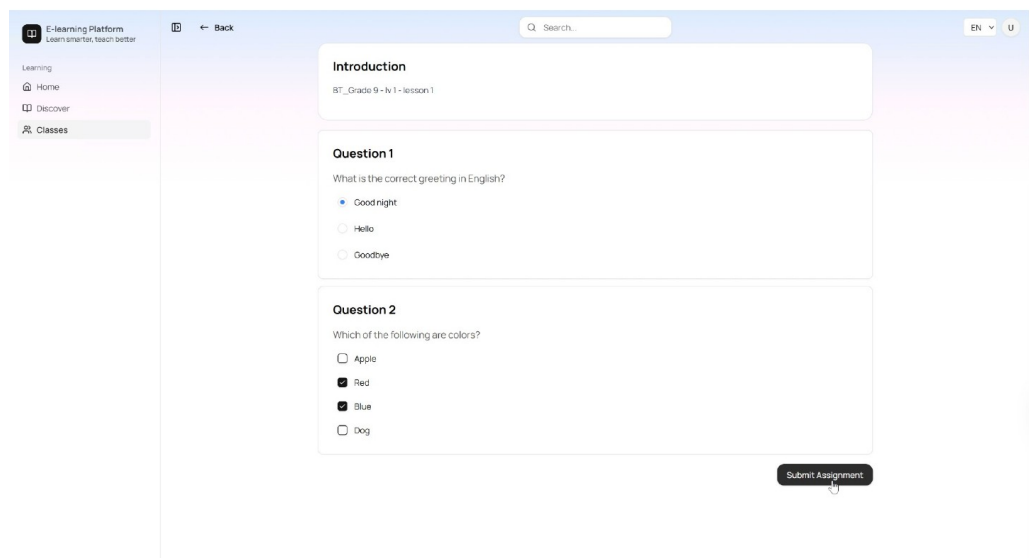
Assignment được hiển thị để học viên thực hiện.

The assignment is displayed for the student to complete.

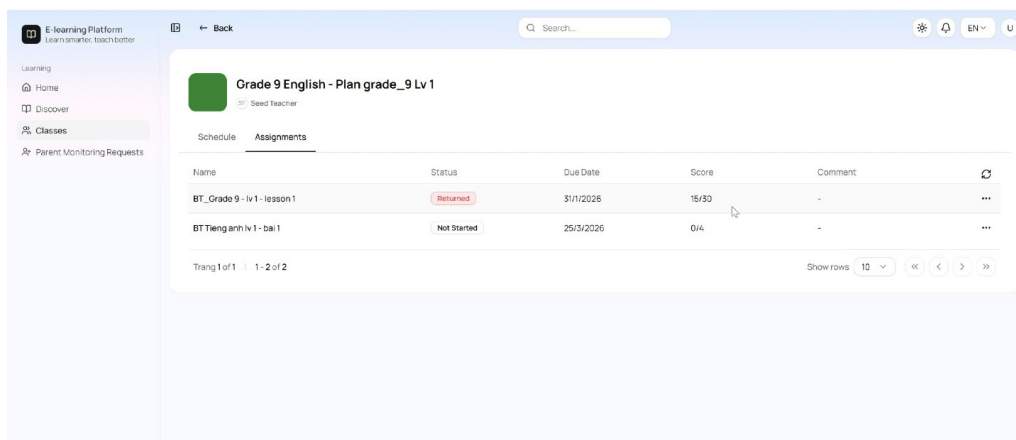
Nộp assignment và xem auto score / Submit Assignment and View Auto Score



Hình minh họa / Illustration: slide 77



Hình minh họa / Illustration: slide 78



Hình minh họa / Illustration: slide 79

Mục đích / Purpose

Giúp học viên nộp bài và xem kết quả chấm tự động nếu có.

Help students submit work and view automatic scoring when available.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Assignment đang mở và học viên đã hoàn thành câu trả lời.

The assignment is open and the student has completed the answers.

Các bước thực hiện / Steps

1. Mở assignment cần nộp. / Open the assignment to submit.
2. Nhập hoặc kiểm tra câu trả lời. / Enter or review the answers.
3. Chọn nộp bài. / Submit the assignment.
4. Xem điểm tự động nếu hệ thống hiển thị. / View the automatic score if the system displays it.

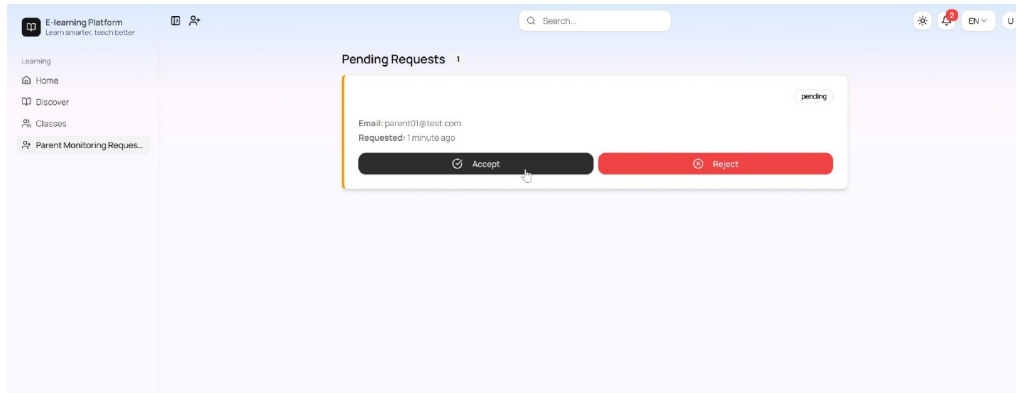
Kết quả mong đợi / Expected result

Bài làm được nộp và điểm tự động được hiển thị khi có cấu hình.

The submission is completed and the automatic score is displayed when configured.

Hướng dẫn cho Parent / Parent Guide

Duyệt yêu cầu / Approve Request



Hình minh họa / Illustration: slide 85

Mục đích / Purpose

Giúp phụ huynh duyệt yêu cầu liên quan đến học viên.

Help parents approve requests related to a student.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Phụ huynh có yêu cầu cần xử lý.

The parent has a request to process.

Các bước thực hiện / Steps

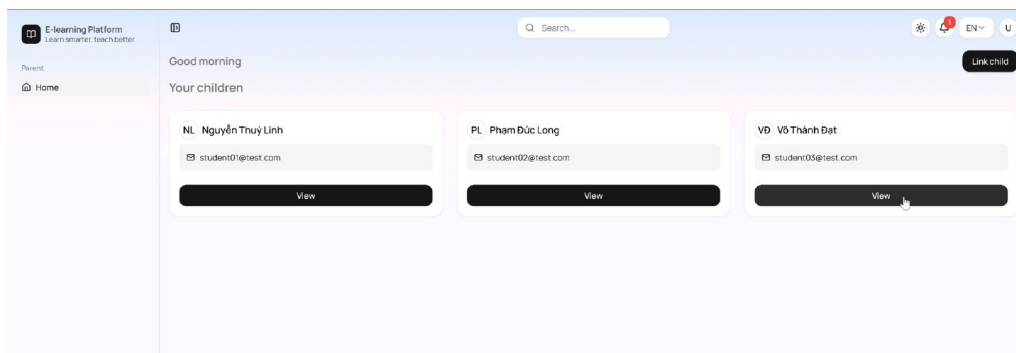
1. Mở khu vực yêu cầu. / Open the request area.
2. Xem thông tin yêu cầu. / Review the request details.
3. Chọn thao tác duyệt nếu thông tin phù hợp. / Approve the request if the information is correct.

Kết quả mong đợi / Expected result

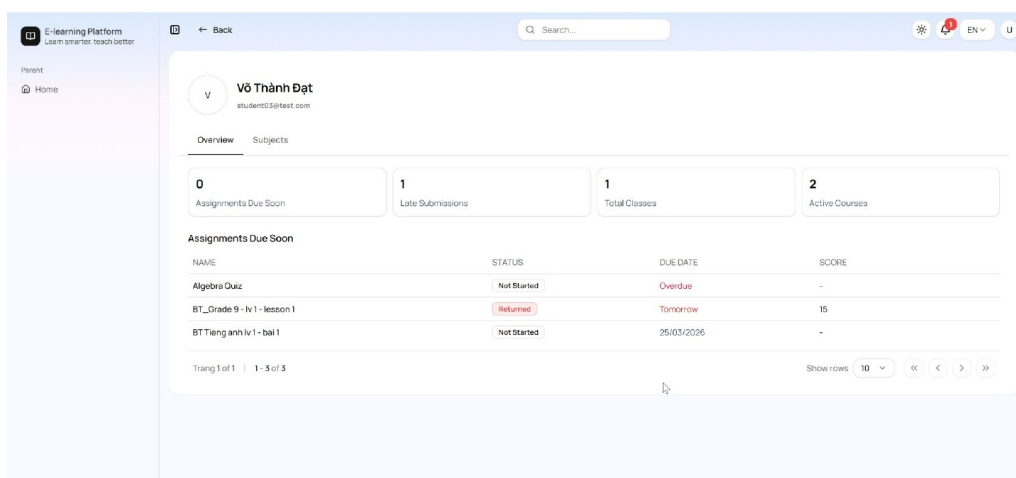
Yêu cầu được duyệt thành công.

The request is approved successfully.

Xem thông tin học viên / View Child Info



Hình minh họa / Illustration: slide 87



Hình minh họa / Illustration: slide 88

Mục đích / Purpose

Giúp phụ huynh xem thông tin liên quan đến học viên.

Help parents view information related to the child student.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Phụ huynh đã có quyền liên kết với học viên.

The parent has permission linked to the student.

Các bước thực hiện / Steps

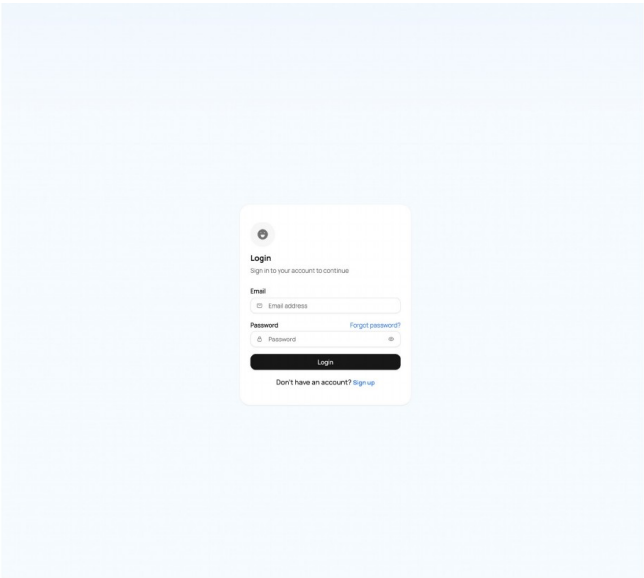
1. Mở khu vực thông tin học viên. / Open the child information area.
2. Chọn học viên cần xem nếu có nhiều học viên. / Select the student if multiple students are available.
3. Xem thông tin được hệ thống hiển thị. / Review the information displayed by the system.

Kết quả mong đợi / Expected result

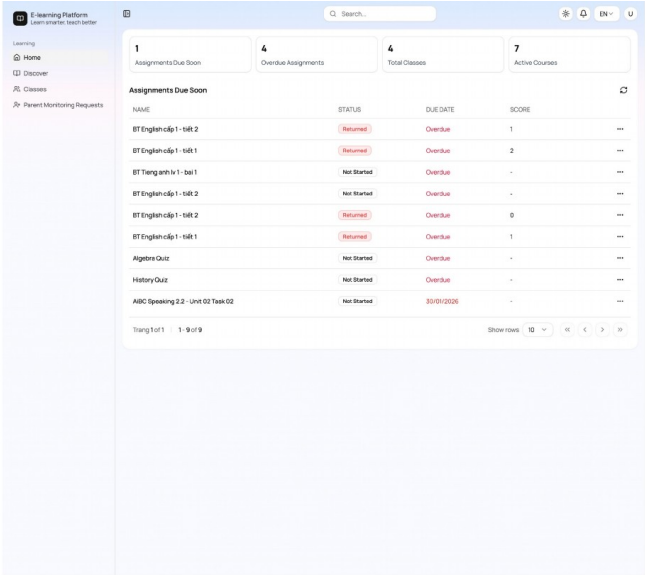
Thông tin học viên được hiển thị cho phụ huynh.
Student information is displayed for the parent.

AIBC Connect Flow

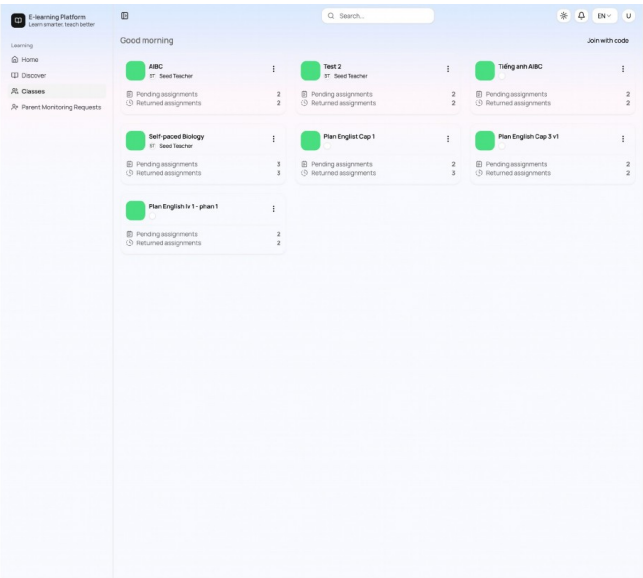
Luồng kết nối AIBC / AIBC Connect Flow



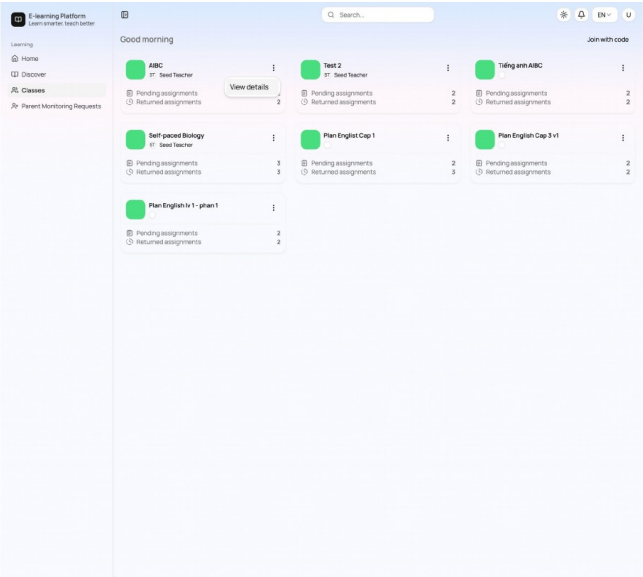
Hình minh họa / Illustration: slide 90



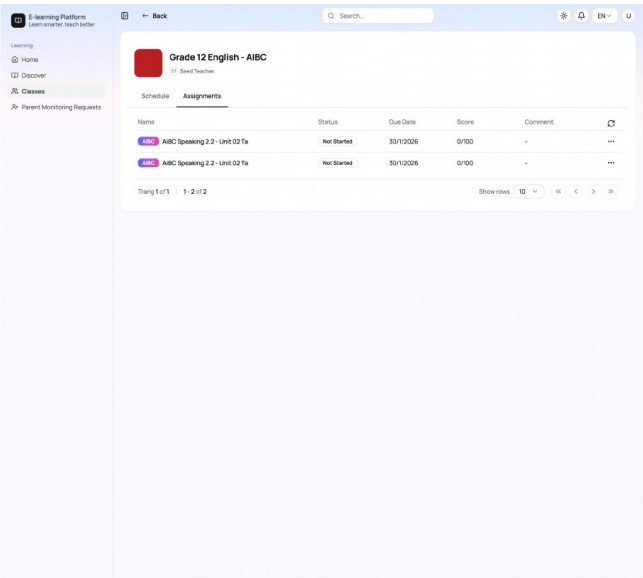
Hình minh họa / Illustration: slide 91



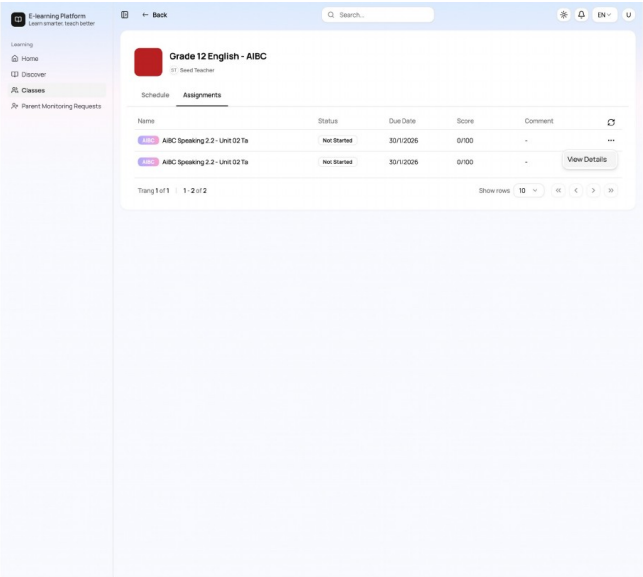
Hình minh họa / Illustration: slide 92



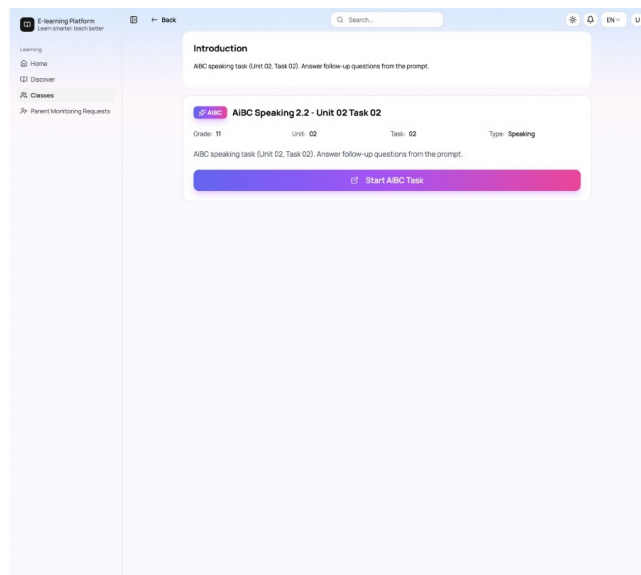
Hình minh họa / Illustration: slide 93



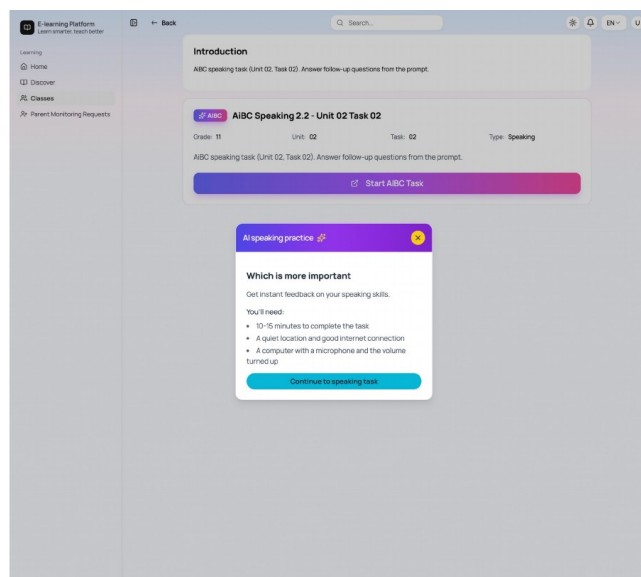
Hình minh họa / Illustration: slide 94



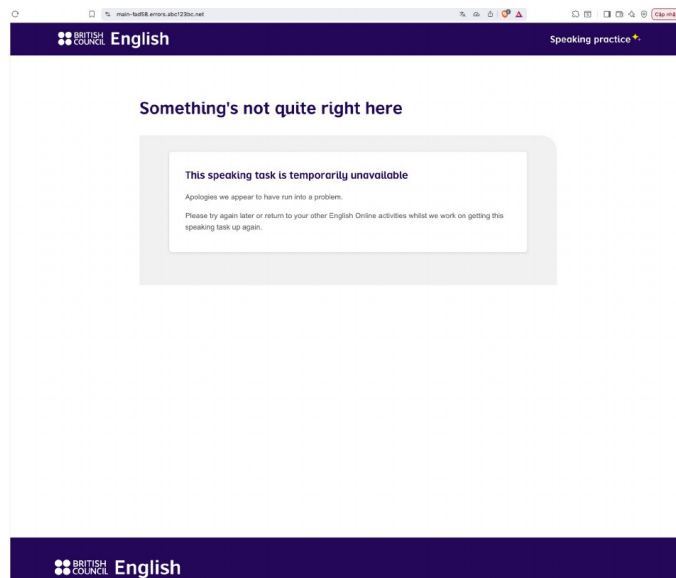
Hình minh họa / Illustration: slide 95



Hình minh họa / Illustration: slide 96



Hình minh họa / Illustration: slide 97



Hình minh họa / Illustration: slide 98

Mục đích / Purpose

Tóm tắt luồng kết nối AIBC trong hệ thống.

Summarize the AIBC connection flow in the system.

Điều kiện trước khi thực hiện / Prerequisites

Người đọc đã nắm các vai trò chính trong hệ thống.

The reader understands the main roles in the system.

Các bước thực hiện / Steps

1. Xem sơ đồ hoặc các màn hình mô tả luồng kết nối. / Review the diagram or screens describing the connection flow.

2. Đối chiếu luồng này với các thao tác Teacher, Student và Parent. / Map this flow to Teacher, Student, and Parent actions.

Kết quả mong đợi / Expected result

Người đọc hiểu vai trò của AIBC Connect Flow trong toàn bộ quy trình.

The reader understands how the AIBC Connect Flow fits into the overall process.

Ghi chú / Notes

Phần này được trình bày ở cuối tài liệu vì mang tính tổng quan hệ thống.

This section is placed near the end because it is system-level context.